

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH VỀ NHU CẦU MỤC TIÊU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Nguyễn Thị Kim Anh, Trần Thị Thanh Phương**

Email: ntkanh@uneti.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/10/2023

Ngày phản biện đánh giá: 16/05/2024

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/05/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.397

Tóm tắt: Mục đích của nghiên cứu này là xác định nhu cầu mục tiêu của sinh viên (SV) tham gia chương trình chuyên ngành do Khoa Ngoại ngữ trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (UNETI) ở Việt Nam cung cấp. Một mẫu gồm 84 sinh viên ($N=84$) đã tham gia vào nghiên cứu này. Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua bảng câu hỏi phân tích nhu cầu trước và dữ liệu định tính được thu thập từ một cuộc phỏng vấn bán cấu trúc liên quan đến nhận thức về nhu cầu mục tiêu của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình tiếng Anh chuyên ngành (TACN) nên tập trung vào việc sử dụng hiệu quả các chiến lược ngôn ngữ trong các nhiệm vụ nhất định như cải thiện kỹ năng thuyết trình, học các thuật ngữ chính, viết email và đọc các văn bản học thuật.

Từ khóa: tiếng Anh chuyên ngành, sinh viên UNETI, phân tích nhu cầu, mục tiêu, nhận thức.

I. Đặt vấn đề

Giai đoạn đầu tiên thiết kế và phát triển bất kỳ chương trình giáo dục nào là phân tích nhu cầu. Theo Altschuld và Witkin (1995, tr.20), phân tích nhu cầu là “một tập hợp các quy trình có hệ thống được theo đuổi nhằm thiết lập các ưu tiên dựa trên các nhu cầu đã được xác định và đưa ra các quyết định nhằm cải thiện chương trình và phân bổ nguồn lực”. “Việc xác định các dạng ngôn ngữ mà SV có thể sẽ cần sử dụng trong ngôn ngữ đích khi họ

được yêu cầu thực sự hiểu và tạo ra ngôn ngữ đó”; đây là cách Brown (1995, tr.36) xác định việc phân tích nhu cầu trong các chương trình ngôn ngữ. Tóm lại, phân tích nhu cầu được định nghĩa là “phương tiện mà người đánh giá sử dụng để xác định liệu có cần một chương trình hay không và nếu có thì dịch vụ chương trình nào là phù hợp nhất cho mục đích đó” của Rossi, Lipsey và Freeman (2004, tr.3). Nguyên tắc của TACN là nơi việc phân tích nhu cầu chủ yếu bắt đầu (Hutchinson và Waters, 1987). Nhiều nghiên cứu phân tích nhu

* Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp

cầu đã được thực hiện nhằm phát triển và đánh giá các chương trình dạy và học tiếng Anh. Trong khi một số nghiên cứu này (Edwards, 2000; Ekici, 2003; Mutlu, 2004; Ozkanal, 2009) tập trung vào việc xác định nhu cầu của SV để xây dựng một chương trình ngôn ngữ cụ thể, thì những nghiên cứu khác lại cố gắng đánh giá xem SV có nhu cầu đã được đáp ứng sau khi thực hiện chương trình. Với sự hỗ trợ của Khoa Ngoại ngữ tại UNETI Việt Nam, nghiên cứu nhằm xác định nhu cầu mục tiêu của SV theo học chương trình TACN. Cuộc khảo sát tiếp theo cho nghiên cứu đã được giải quyết cho câu hỏi: SV nghĩ việc sử dụng các kỹ thuật ngôn ngữ trong bài tập liên quan đến nhu cầu mục tiêu của mình quan trọng như thế nào?

II. Cơ sở lý thuyết

Trong phần này tác giả sẽ trình bày các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu: nhu cầu học tập và các yếu tố liên quan đến nhu cầu học tập; và trình bày đến các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học TACN của SV.

2.1. Nhu cầu học tập

Nhu cầu học tập là một trong những nhu cầu tinh thần đặc trưng của con người. Nhu cầu học tập là đòi hỏi và thiết yếu của người học nhằm lĩnh hội kiến thức, tri thức và những trải nghiệm thực tế có giá trị của những thế hệ đi trước để lại.

Trong học thuyết nhu cầu Maslow (1970, as cited by Cherry, 2018) chỉ ra nội dung về nhu cầu của con người bao gồm: nhu cầu cơ bản và nhu cầu bậc cao. Maslow cho rằng con người luôn đấu tranh và nỗ lực để thỏa mãn những nhu cầu khác nhau.

Tác giả McLeod (2007) cho rằng chỉ khi những nhu cầu cơ bản được thỏa mãn thì người ta sẽ có thể đạt đến thang nhu cầu cao hơn và nhu cầu đó được gọi là nhu cầu tự thể hiện bản thân. Đặc biệt, trong thời đại công nghiệp 4.0, vốn TACN vững chắc sẽ giúp người học khẳng định được bản thân trong môi trường làm việc hơn.

Trong bối cảnh nghiên cứu này, tác giả xây dựng mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học tiếng Anh của SV. Từ thực tế công tác giảng dạy và phỏng vấn thực tế tại các lớp học. Tác giả sẽ chú trọng phân tích và tìm hiểu mối liên hệ giữa các yếu tố GV dạy TACN, môi trường học và tài liệu học tập, việc tự học và nghề nghiệp tương lai.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học TACN của SV

2.2.1. Giảng viên dạy TACN

Năng lực và phẩm chất nhân cách của người GV giảng dạy TACN chính là “tài” và “đức” và được thể hiện thông qua các giá trị về: lối sống, lập trường chính trị, xã hội, cái nhìn về nhân sinh quan, thế giới quan, thái độ và đặc biệt kiến thức vững chắc về chuyên ngành đang giảng dạy Goonetilleke (1989).

Tuy nhiên một số thực tế về đội ngũ GV dạy TACN vẫn còn nhiều bất cập. Theo tác giả Do và Cai (2010) phần lớn GV dạy TACN là những người có kiến thức chuyên môn giỏi nhưng chưa được tập huấn về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ. Milevica (2006) cho rằng GV giảng dạy TACN vừa phải là một GV giảng dạy tiếng Anh tốt vừa là một chuyên gia trong lĩnh vực đảm nhận.

GV giảng dạy TACN có những vai trò khác nhau (Swales, 1988) trong đó phải đề cập đến vai trò của Nhà giáo dục. có phương pháp sư phạm hợp lý trong việc kiểm tra, đánh giá người học và đặc biệt xử lý tốt các tình huống sư phạm xảy ra trong lớp học.

2.2.2. Môi trường học và tài liệu học tập

Môi trường học và tài liệu học tập đóng góp một phần quan trọng trong việc lĩnh hội kiến thức của người học. Môi trường học tập cực kì quan trọng đối với GV và SV. Theo Dudley- Evans và John (1998) các môi trường học tập TACN phải thể hiện được lĩnh vực chuyên ngành của người học. Việc trang bị các thiết bị dạy học, sử dụng đường truyền kết nối Internet, hệ thống âm thanh lớp học và các hình ảnh trực quan không thể thiếu trong các lớp học TACN.

Bên cạnh đó tài liệu học tập phục vụ cho việc giảng dạy TACN đóng vai trò cũng rất cần thiết. “Tài liệu học tập là bất cứ điều gì có thể sử dụng để giúp giảng dạy. Đó có thể là giáo trình, sách bài tập, CD, các tạp chí, sách báo và hình ảnh, đoạn văn bản được viết trên bảng mà thể hiện nội dung bài học” (Tomlinson, 2011). Đối với SV chuyên ngành tài liệu TACN phải luôn được cập nhật thường xuyên để theo kịp với những xu thế và công nghệ mới.

2.2.3. Yếu tố tự học

Yếu tố tự học xuất phát từ những nhu cầu cần lĩnh hội kiến thức của người học, như Knowles (1975) mô tả “Tự học là một quá trình mà người học tự lĩnh hội kiến thức mà không có sự trợ giúp của người khác, họ tự xác định nhu cầu, hình

thành mục tiêu, xác định nguồn tài liệu học tập, xây dựng chiến lược học tập và tự đánh giá kết quả học tập.” Theo Knowles (1975), có 3 lý do cho việc tự học như sau: tự học giúp người học nhanh tiếp thu kiến thức, tự học là bản năng vốn có của người học và tự học là cần thiết vì kiến thức luôn thay đổi và phát triển từng ngày.

2.2.4. Yếu tố nghề nghiệp tương lai

Nghề nghiệp ổn định là sự kỳ vọng của hầu hết các SV khi ra trường. Tuy nhiên trong thực tế tỉ lệ thất nghiệp của SV vẫn còn đang là vấn đề nan giải cho các nhà quản lý. Ngày 24/12/2015, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết tính đến quý 3 của năm 2015 cả nước có 1 triệu 130 ngàn người ở độ tuổi lao động bị thất nghiệp.

Bên cạnh đó, để cạnh tranh tốt trong thời đại công nghiệp 4.0 ngoài kiến thức chuyên ngành SV phải đạt được những kỹ năng cần thiết khác để có thể làm việc tốt và tìm kiếm được cơ hội việc làm phù hợp. Trong đó tiếng Anh là công cụ hiệu quả giúp SV dễ dàng tìm kiếm công việc trong hầu hết các loại hình doanh nghiệp.

2.3. Lịch sử nghiên cứu

Trong bài nghiên cứu nhu cầu TACN của SV chuyên ngành Du lịch tại Trường Đại học Constanta, Lavinia (2017) đã chỉ ra rằng có 92.6% SV học tiếng Anh để phục vụ cho nghề nghiệp tương lai. Các SV được khảo sát cho thấy rằng họ nhận thức rõ về sự cần thiết phải phát triển kỹ năng tiếng Anh để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Trong bài nghiên cứu về động cơ học TACN của Navickienė, Kavaliauskienė, và Pevcevičiūtė (2015) về động cơ học tiếng Anh - cụ thể TACN tại trường Đại học Klaipėda, tác giả đã

khảo sát được có đến 95% SV học TACN vì nó cần thiết cho sự nghiệp tương lai và nâng cao trình độ.

Các khóa học TACN giúp người học định hướng được các kỹ năng tiếng Anh cần thiết cho nghề nghiệp tương lai mà người học sẽ gặp phải trong môi trường làm việc. Widdowson (1998) khẳng định rằng “Tiếng Anh tổng quát thiếu tính cụ thể và thiếu mục đích hơn TACN.”

Chính vì thế, việc xác định mục đích học tập cụ thể cũng như tìm kiếm công việc tương lai ổn định, được sử dụng và trau dồi tiếng Anh thường xuyên trong công việc sẽ giúp người học có động cơ học tập đúng đắn hơn. Bên cạnh đó nhận thức tầm quan trọng về TACN sẽ giúp người học chuẩn bị tốt cho các vị trí làm việc đòi hỏi sử dụng tiếng Anh sau này.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Môi trường và người tham gia

Việc tổ chức cuộc khảo sát diễn ra tại UNETI. Tám mươi bốn (N=84) sinh viên TACN từ Khoa Ngoại Ngữ đã tham gia nghiên cứu. Tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ của những người tham gia, những người xuất thân từ những gia đình khá giả. SV tham gia có độ tuổi từ mười tám (18) đến hai mươi hai (22), trong đó bốn mươi (N=40) là nam và bốn mươi bốn (N=44) là nữ. SV được yêu cầu tình nguyện tham gia nghiên cứu ngay từ đầu và được thông báo về mục tiêu của nghiên cứu.

3.2. Công cụ thu thập và phân tích dữ liệu

Dữ liệu cho nghiên cứu được thu thập từ quan điểm của SV về nhu cầu mục tiêu của họ thông qua một cuộc phỏng vấn bán cấu trúc và bảng câu hỏi

phân tích nhu cầu. Ekici (2003) đã tiến hành một nghiên cứu từ đó tạo ra bảng câu hỏi phân tích yêu cầu. Ba phần tạo thành bảng câu hỏi. Chỉ phần đầu tiên của bảng câu hỏi đã được sửa đổi để phù hợp với mục tiêu của nghiên cứu này. Phần đầu tiên của bảng câu hỏi có sáu mươi bốn (64) câu hỏi nhằm đáp ứng nhu cầu mục tiêu của SV. Các hạng mục khả năng nói, nghe, đọc và viết lần lượt bao gồm mười hai (12), tám (8), mười (10) và chín (9) mục. Thang đo Likert với bốn điểm, từ “rất quan trọng” (A) đến “không quan trọng” (D) được đưa vào từng mục trong thang đo.

Các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện với mười tám (N=18) sinh viên TACN để xác định nhu cầu khách quan của họ, với mục tiêu chứng thực dữ liệu thu thập được thông qua bảng câu hỏi. Về chiến thuật ngôn ngữ sẽ được ưu tiên trong chương trình TACN, những người tham gia được hỏi về quan điểm của họ trong suốt cuộc phỏng vấn. Họ được yêu cầu cụ thể thảo luận suy nghĩ của mình về giá trị của việc sử dụng các phương pháp trong các bài tập nói, nghe, đọc và viết liên quan đến kỹ năng ngôn ngữ.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả của bảng câu hỏi phân tích nhu cầu

Để tìm hiểu nhận thức của SV về nhu cầu mục tiêu liên quan đến sử dụng chiến lược ngôn ngữ nhất định, dữ liệu thu thập từ bảng câu hỏi phân tích nhu cầu được lập bảng và phân tích thống kê bằng Gói thống kê khoa học xã hội 16.0 (SPSS). Cụ thể, số liệu thống kê mô tả (phương tiện, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm) được ước tính.

Bảng 4.1. Phương tiện, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm của số liệu thống kê mô tả cho thấy sự phù hợp của chiến lược nói mà SV coi là nhu cầu chính của mình

Các chiến lược mới	Rất quan trọng	Quan trọng	Hơi quan trọng	Không quan trọng	Phương tiện	Độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm
	SV %	SV %	SV %	SV %	SV	SV
Với người bản địa	45.8	45.8	5.1	3.4	1.66	0.73
Với người không phải bản địa	40.07	42.4	10.2	6.8	1.83	0.87
Với đồng nghiệp	46.6	36.2	12.1	5.2	1.75	0.86
Với khách hàng	55.9	32.2	8.5	3.4	1.59	0.79
Trong văn phòng	50.8	30.5	11.9	6.8	1.74	0.92
Trong khách sạn	49.2	33.9	15.3	1.7	1.69	0.79
Trong nhà hàng	56.9	25.9	15.5	1.7	1.62	0.81
Tại sân bay	50.8	27.1	15.3	6.8	1.77	0.94
Tại đại lý du lịch	44.1	33.9	13.6	8.5	1.86	0.95
Trong bối cảnh giao thông	39.0	44.1	13.6	3.4	1.81	0.79
Trong môi trường xã hội	52.5	32.2	13.6	1.7	1.64	0.78
Ở nước ngoài	59.3	23.7	11.9	5.1	1.62	0.88

Ghi chú: SV = Sinh viên

Về khả năng nói, điểm trung bình của sinh viên dao động từ 1,59 đến 2,16. Trong cuộc trò chuyện với các nhóm sau, họ đã đi đến thống nhất về tầm quan trọng của hiệu suất: đồng nghiệp (Ss=82,8%), người không phải là người bản xứ (Ss=83,1%), người bản ngữ (Ss=91,6) và người tiêu dùng

(Ss=88,1%). Ngoài ra, họ cho rằng việc nói chuyện ở những địa điểm sau sẽ cải thiện khả năng nói trước công chúng của họ, cụ thể: Khách sạn (Ss=83,1%), môi trường xã hội (Ss=84,7), bối cảnh giao thông (Ss=83,1%), nhà hàng (Ss=82,8%), văn phòng (Ss=81,3%), đại lý du lịch (Ss=78%) và sân bay (Ss=77,9%).

Bảng 4.2. Phương tiện, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm của số liệu thống kê mô tả cho thấy sự phù hợp của các chiến lược nghe mà SV coi là nhu cầu chính của mình

Các chiến lược nghe	Rất quan trọng	Quan trọng	Hơi quan trọng	Không quan trọng	Phương tiện	Độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm
	SV %	SV %	SV %	SV %	SV	SV
Hiểu người bản xứ	54.2	32.2	11.9	1.7	1.61	0.76
Hiểu người không phải bản xứ	40.7	39.0	16.9	3.4	1.83	0.83
Chương trình tivi						
Thông báo tại những nơi khác	52.5	32.2	11.9	3.4	1.66	0.82
Phim ảnh	51.7	36.2	10.3	1.7	1.62	0.74
Thuyết trình						
Hội thảo	52.5	35.6	6.8	5.1	1.64	0.82
Thảo luận	57.6	33.9	5.1	3.4	1.54	0.75

Hơn nữa, mức độ đánh giá của SV đối với các câu hỏi liên quan đến tầm quan trọng của việc sử dụng kỹ năng nghe trong các hoạt động được giao có điểm trung bình là 1,44 - 1,83. Nghe hội nghị (Ss=91,5%), thuyết trình (Ss=91,5%), thảo luận

(Ss=88,2%), phim (Ss=88,1%), thông báo tại nhiều địa điểm khác nhau (Ss=87,9%), hiểu người bản xứ (Ss=86,4%), chương trình truyền hình (Ss=84,7%) và lắng nghe người không phải bản xứ (Ss=79,7%) là những mục được xếp theo thứ tự.

Bảng 4.3. Thống kê mô tả (phương tiện, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm) phản ánh trọng số được gán cho các chiến lược đọc mà SV tin là nhu cầu chính của mình

Các chiến lược Đọc	Rất quan trọng	Quan trọng	Hơi quan trọng	Không quan trọng	Phương tiện	Độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm
	SV %	SV %	SV %	SV %	SV	SV
Văn bản học thuật	44.1	42.4	8.5	5.1	1.74	0.82
Hướng dẫn sử dụng	33.9	49.2	15.3	1.7	1.84	0.73
Báo	47.5	37.3	11.9	3.4	1.71	0.81
Thư kinh doanh	47.5	37.3	13.6	1.7	1.69	0.77
Tạp chí thời sự	44.1	35.6	13.6	6.8	1.83	0.91
Tạp chí định kỳ						
Báo cáo	39.0	35.6	22.0	3.4	1.89	0.86
Bản đồ	40.7	35.6	18.6	5.1	1.88	0.89
Tin nhắn email	44.1	37.3	16.9	1.7	1.76	0.79
Tài liệu quảng cáo	33.9	45.8	16.9	3.4	1.89	0.80
Mục từ điển	57.6	25.4	13.6	3.4	1.62	0.84

Ngoài ra, phạm vi phương tiện của kỹ thuật đọc điểm trung bình là 1,62 - 2,03. Hay nói cách khác, những người tham gia đánh giá cao việc đọc các văn bản học thuật (Ss=86,5%), báo (Ss=84,8%), thư kinh doanh (Ss=84,8%), sách hướng dẫn (Ss=83,1%), mục từ điển (Ss=83%), tin nhắn email (Ss=81,4%), tài liệu quảng cáo (Ss=79,7%), tạp chí/tạp chí định kỳ (Ss=79,7%), bản đồ (Ss=76,3%) và báo cáo (Ss=74,6%).

4.2. Kết quả phỏng vấn bán cấu trúc liên quan đến nhu cầu mục tiêu của SV

Các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc đã cung cấp thêm dữ liệu cho nghiên cứu này để bổ sung cho kết quả của bảng câu hỏi phân tích yêu cầu. Sau khi ghi lại các cuộc phỏng vấn, nhà nghiên cứu sẽ đọc bản ghi của mỗi người tham gia, sau đó họ

sử dụng các từ và khái niệm lặp lại để xác định các chủ đề khái niệm theo khuôn khổ của Bogdan và Biklen (1998). Các chủ đề chính trong ma trận này được sắp xếp theo các tiêu đề riêng biệt sử dụng các phạm trù khái niệm này. Cuối cùng, dưới mỗi chủ đề một danh sách và phần thảo luận về các trích dẫn hỗ trợ của người tham gia đã được cung cấp. Những người tham gia quyết định rằng, việc tham gia có chủ ý trong quá trình thảo luận với GV bản ngữ sẽ có lợi cho việc cải thiện hiệu suất của SV trong các hoạt động nói. Ý tưởng này được phản ánh trong đoạn trích dưới đây: “Trong khóa học nói, chúng ta nên học cách giao tiếp hiệu quả trong các cuộc hội thoại với người bản ngữ.”

Những người tham gia cho biết thêm, do khả năng nghe của SV hạn chế nên giao

cho các em một số bài tập như: Bài phát biểu, tranh luận, họp, thông báo cũng như các chương trình truyền hình và đài phát thanh. Sau đây là một số ý kiến tiêu biểu của người tham gia: “Trong khóa học nghe, chúng ta nên được yêu cầu nghe nhiều nhiệm vụ khác nhau như thông báo và hội nghị, những việc này giúp chúng ta cải thiện khả năng nghe của mình”. Sau đây là một số ý kiến của các đại biểu về vấn đề này: “Trong các khóa học TACN, chúng ta nên được yêu cầu đọc các nhiệm vụ khác nhau trong khóa học đọc như truyện ngắn, phỏng vấn và các tác phẩm cổ điển, giúp chúng ta cải thiện kỹ năng đọc”.

Cuối cùng các SV đồng ý rằng, để trở thành người nói tiếng Anh chính xác và trôi chảy hơn, cần tích cực làm những bài tập thực tế như viết báo cáo, thư kinh doanh, email và giấy tờ pháp lý. Điều này đã được thực hiện nhờ trình độ viết ngày càng tăng của họ. Liên quan đến yếu tố này một số cá nhân đã nêu: “Để cải thiện khả năng viết, chúng ta nên tham gia vào nhiều công việc khác nhau như viết email, thư kinh doanh và báo cáo, điều này sẽ giúp chúng ta nói tiếng Anh trôi chảy và chính xác hơn”.

V. Kết luận

Những phát hiện được trình bày cung cấp cái nhìn sâu sắc về chương trình TACN hiện tại của Khoa Ngoại Ngữ bằng cách xác định nhận thức của SV về nhu cầu mục tiêu. Đặc biệt, chương trình TACN hiện tại phải được cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu mục tiêu của SV dựa trên thông tin thu thập được từ cuộc phỏng vấn bán cấu trúc và bảng câu hỏi phân tích nhu cầu. Thông tin thu được từ các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc và bảng câu hỏi

phân tích nhu cầu cho thấy các kỹ năng nói, nghe, đọc và viết của sinh viên có thể được cải thiện bằng cách sử dụng các phương pháp trong bài tập một cách hiệu quả. Tuy nhiên, có một số điều cần lưu ý về những thiếu sót của nghiên cứu. Để bắt đầu, nghiên cứu đã xem xét các nhu cầu mục tiêu mà SV Khoa Ngoại Ngữ UNETI nhận thấy; những nhu cầu này có thể chưa đủ để đưa ra kết luận khái quát. Hơn nữa, các nhu cầu đã được nhà nghiên cứu đánh giá và tính khách quan cũng như độ tin cậy của nghiên cứu có thể bị ảnh hưởng do thiếu người đánh giá bên ngoài. Mặc dù còn có một số hạn chế nhất định, nhưng phải khẳng định rằng, nghiên cứu này rất quan trọng đối với lĩnh vực xác định nhu cầu cụ thể của sinh viên vì nó cung cấp nền tảng cho nghiên cứu trong tương lai./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Altschuld, J. W., & Witkin, B. R. (1995). Planning and conducting needs assessments: A practical guide. California: Sage Publications.
- [2]. Bogdan, R. C., & Biklen, S. K. (1998). Qualitative research for education: An introduction to theory and methods. Ally & Bacon: Needham Heights, MA.
- [3]. Brown, J. D. (1995). The elements of language curriculum. Boston: Heinle and Heinle.
- [4]. Cherry, K. (2018). How Maslow's famous hierarchy explains human motivation. Retrieved May 15, 2019.
- [5]. Edwards, N. (2000). Language for business: Effective needs assessment, syllabus design and materials preparation in a practical ESP case study. English for Specific Purposes, 19, 291-296.

- [6]. Ekici, N. (2003). A needs assessment study on English language needs of the tour guidance students of faculty of applied sciences at Başkent University: A case study. Unpublished Master's Thesis. Middle East Technical University, Ankara.
- [7]. Goonetilleke, D. C. (1989). Language planning and ESP with special reference to Sri Lanka. In P. W. Peterson (Ed.), *ESP in practice* (pp. 41-46). Washington, DC: United States Information Agency.
- [8]. Hutchinson, T., & Waters, A. (1987). *English for Specific Purposes: A learning-centered approach*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [9]. Lavinia, N. (2017). ESP teaching and needs analysis. Case study. *Economic Sciences Series*, 17(2), 268-273.
- [10]. McLeod, S. (2007). Behaviorist approach. Retrieved May 17, 2019, from <http://www.simplypsychology.org/behaviorism.html#sthash.IFZMW9pB.dpbs>
- [11]. Mutlu, Ö. (2004). A needs analysis study for the English-Turkish translation course offered to management students of the faculty of economic and administrative sciences at Başkent University: A case study. Unpublished Master's Thesis. Middle East Technical University, Ankara.
- [12]. Ozkanal, U. (2009). The evaluation of English preparatory program of Eskişehir Osmangazi University Foreign Languages Department and a model proposal. Unpublished Dissertation. Anadolu University, Eskişehir.
- [13]. Rossi, P. H., Lipsey, M. W., & Freeman, H. E. (2004). *Evaluation: A systematic approach*. Sage Publications.
- [14]. Tomlinson, B. (2011). *Material development in language teaching*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
- [15]. Widdowson, H. G. (1998). The theory and practice of critical discourse analysis. *Applied Linguistics*, 19(1), 136-151.

A CASE STUDY OF ESP STUDENTS' PERCEPTIONS OF THEIR TARGET NEEDS AT THE UNIVERSITY OF ECONOMICS TECHNOLOGY FOR INDUSTRIES

Nguyen Thi Kim Anh[†], Tran Thi Thanh Phuong[†]

Abstract: *With its practical implications, this study aims to find the target needs of the students enrolled in a program provided by the Faculty of the Foreign Language at the University of Economics Technology for Industries (UNETI) in Vietnam. In this study, eighty-four students (N=84) made up the sample. A pre-needs analysis questionnaire was used to collect the quantitative data, and a semi-structured interview on the students' perceptions of their target needs yielded the qualitative data. The study's conclusions, which have direct relevance to the ESP program, showed that it should concentrate on teaching students how to use language techniques effectively when completing activities including reading academic books, sending emails, learning new words, and enhancing presentation abilities.*

Keywords: *UNETI students' English for Specific Purposes (ESP); needs analysis; target needs.*

[†] University of Economics - Technology for Industries